

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2023

V/v “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Văn Riều;

2. Ông Phạm Danh Hiếu;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị M**, sinh ngày 26/6/1989 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp NC, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Hồng P**, sinh ngày 12/4/1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N C, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị M và anh P qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BD, thị xã GC theo giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 28/12/2007. Quá trình chung sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn, thường xuyên cãi nhau, sống ly thân được hơn 03 năm, không còn tình cảm. Nay tình cảm không còn nên chị M yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh P có 03 con chung tên Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 05/5/2008, Phạm Thành L, sinh ngày 13/9/2011 và Phạm Thành L, sinh ngày 20/01/2016 hiện đang sống chung với anh P. Khi ly hôn chị M yêu cầu để 03 con chung cho anh P nuôi, chị M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

* Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phạm Hồng P trình bày:

Chị M bỏ con cho anh P nuôi 05 năm nay, một mình tự làm, tự nuôi con. Anh P xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nhưng anh P yêu cầu chị M phải chia 2 số nợ ngân hàng khoảng 80.000.000 đồng và nợ vay bên ngoài. Anh P không đồng ý ly hôn do không thống nhất được về con và nợ.

- Về con chung: Như chị M trình bày là đúng, anh P yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ 1 tháng để anh tiếp tục nuôi 03 con chung.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Anh P yêu cầu chị M phải chia 2 số nợ ngân hàng khoảng 80.000.000 đồng và nợ vay bên ngoài.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị M là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị M và anh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân khoảng 03 năm. Nay tình cảm không còn chị M xin ly hôn. Anh P xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nhưng anh không đồng ý ly hôn do chị M không đồng ý thỏa thuận với anh về số nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận cho chị M ly hôn với anh P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 03 con chung do anh P trực tiếp nuôi, các con có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh P. Chị M và anh P thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu. Xét thấy sự thoả thuận của anh chị phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh P có yêu cầu chị M phải chia đôi số nợ vay ngân hàng khoảng 80.000.000 đồng và số nợ bên ngoài. Tại phiên hoà giải ngày 18/11/2022 (Bút lục 34, 35) Thẩm phán có giải thích và cho thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản nếu chị M, anh P có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung phải có đơn yêu cầu, nộp tạm ứng án phí và chứng cứ theo quy định. Tuy nhiên, đến ngày Toà án xét xử, chị M và anh P không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp Toà án sẽ thụ lý và giải quyết thành một vụ án khác.

[4]Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phạm Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Phạm Hồng P.

- Về con chung: Giao cho anh Phạm Hồng P được trực tiếp nuôi 03 con chung tên Phạm Thị Hồng V, sinh ngày 05/5/2008, Phạm Thành L, sinh ngày 13/9/2011 và Phạm Thành L, sinh ngày 20/01/2016; Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/ 1 cháu), bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí : Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006992 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị M còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã BĐ, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ HẰNG

